

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

HỒ DIỆU HUYỀN

**BIẾN ĐỔI PHÂN CÔNG LAO ĐỘNG TRONG
GIA ĐÌNH Ở CÁC XÃ LÀNG NGHỀ
NGOẠI THÀNH HÀ NỘI**

Ngành: Xã hội học
Mã số: 9310301

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ XÃ HỘI HỌC

HÀ NỘI, năm 2026

Công trình được hoàn thành tại: Học viện Khoa học xã hội

Người hướng dẫn khoa học:

1. GS.TS. Nguyễn Hữu Minh
2. PGS.TS. Hoàng Thị Nga

Phản biện 1: PGS.TS. Nguyễn Đức Chiện

Phản biện 2: GS.TS. Trịnh Duy Luân

Phản biện 3: TS. Nguyễn Đình Tuấn

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án cấp
Học viện họp tại:

Học viện Khoa học xã hội, số 477 đường Nguyễn Trãi, phường
Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

Vào hồi: giờ phút, ngày 28 tháng 10 năm 2026.

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:

Thư viện Quốc gia Việt Nam

Thư viện Học viện Khoa học xã hội

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Gia đình làng nghề vừa là đơn vị sinh hoạt vừa là đơn vị sản xuất - kinh doanh, vì vậy phân công lao động giữa vợ và chồng gắn đồng thời với lao động tạo thu nhập và lao động nội trợ, chăm sóc. Trong bối cảnh đô thị hóa, chuyển dịch sinh kế, mở rộng thị trường, đổi mới công nghệ và thay đổi cách tổ chức sản xuất, vai trò của vợ và chồng có nhiều điều chỉnh; tuy nhiên, việc phụ nữ tham gia nhiều hơn vào hoạt động kinh tế chưa nhất thiết đi kèm với sự chia sẻ tương ứng công việc gia đình. Các nghiên cứu về làng nghề thường tập trung vào phát triển nghề, bảo tồn văn hóa hoặc tổ chức sản xuất, trong khi còn thiếu nghiên cứu có hệ thống về sự biến đổi phân công lao động giữa vợ và chồng dưới góc độ xã hội học gia đình và giới. Luận án sử dụng năm 2008 - thời điểm Hà Tây sáp nhập vào Hà Nội - như mốc phân kỳ hành chính - xã hội để nhận diện xu hướng biến đổi trong bối cảnh kinh tế - xã hội mới, không coi sự kiện sáp nhập là nguyên nhân trực tiếp của biến đổi.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Luận án làm rõ sự biến đổi phân công lao động giữa vợ và chồng trong các gia đình tham gia sản xuất - kinh doanh sản phẩm làng nghề ở ngoại thành Hà Nội từ năm 2008 đến thời điểm nghiên cứu, tập trung vào hai lĩnh vực: sản xuất - kinh doanh sản phẩm làng nghề và nội trợ, chăm sóc các thành viên gia đình. Nghiên cứu đồng thời phân tích ba nhóm yếu tố có liên quan gồm: đặc điểm cá nhân, gia đình và nơi cư trú; đặc

điểm nghề, tổ chức sản xuất, thị trường và công nghệ - dịch vụ; chính sách và các hình thức hỗ trợ tại làng nghề. Nhiệm vụ chính là thu thập và xử lý dữ liệu thực địa; mô tả thực trạng; nhận diện chiều hướng biến đổi; phân tích các yếu tố có liên quan và đánh giá mức độ khác biệt giữa các nhóm gia đình, địa bàn.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là sự biến đổi phân công lao động giữa vợ và chồng trong gia đình tại các xã làng nghề ngoại thành Hà Nội sau năm 2008. Khách thể khảo sát là những người đã kết hôn, đang sống cùng vợ/chồng, cư trú tại địa phương từ trước ngày 01/8/2008 và thuộc hộ gia đình duy trì hoạt động sản xuất - kinh doanh sản phẩm làng nghề từ trước mốc này đến thời điểm nghiên cứu. Nghiên cứu được thực hiện tại bốn địa bàn: Hồng Vân (sinh vật cảnh), Quất Động (thêu ren), Bình Phú (mây, tre, giang đan) và Phương Trung (nón Chuông). Khảo sát bảng hỏi tiến hành năm 2024 với 424 người; phỏng vấn sâu gồm 52 người, trong đó có 40 người dân và 12 cán bộ địa phương. Nội dung phân tích tập trung vào người đảm nhiệm chính, mức độ tham gia, thời gian lao động, phân chia công đoạn, trách nhiệm, đóng góp thu nhập, quản lý tài chính và quyền ra quyết định trong hai lĩnh vực lao động.

4. Câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu

Câu hỏi thứ nhất xem xét phân công lao động giữa vợ và chồng đã biến đổi như thế nào trong sản xuất - kinh doanh sản phẩm làng nghề và trong nội trợ, chăm sóc. Câu hỏi thứ hai xem

xét ba nhóm yếu tố của khung phân tích liên quan như thế nào đến thời gian lao động, trách nhiệm và quyền ra quyết định. Giả thuyết thứ nhất cho rằng phân công lao động có sự điều chỉnh theo thời gian, sự tham gia của cả vợ và chồng trong hoạt động kinh tế tăng lên nhưng phụ nữ vẫn đảm nhiệm phần lớn nội trợ, chăm sóc và duy trì vai trò kép. Giả thuyết thứ hai cho rằng sự phân chia lao động và quyền quyết định khác biệt theo ba nhóm yếu tố, trong đó đặc điểm gia đình, sinh kế và tổ chức sản xuất có liên hệ rõ hơn so với chính sách, hỗ trợ bên ngoài.

5. Phương pháp nghiên cứu

Luận án kết hợp nghiên cứu định lượng và định tính. Khảo sát trực tiếp bằng bảng hỏi sử dụng chọn mẫu thuận tiện với sự hỗ trợ của địa phương, thu được 424 phiếu hợp lệ, phân bổ đều 106 người/xã, gồm 212 nam và 212 nữ. Dữ liệu được xử lý bằng SPSS 20.0 với mức ý nghĩa 0,05; kết quả định lượng được đối chiếu với 52 cuộc phỏng vấn sâu, văn bản chính sách, báo cáo và các nghiên cứu liên quan. Thông tin trước năm 2008 được thu thập theo phương pháp hồi cố, vì vậy được sử dụng để nhận diện xu hướng thay đổi hơn là xác lập quan hệ nhân quả.

6. Đóng góp mới và ý nghĩa của luận án

Luận án bổ sung bằng chứng thực nghiệm về sự biến đổi phân công lao động giữa vợ và chồng trong gia đình làng nghề, đồng thời đặt lao động tạo thu nhập và lao động tái sản xuất trong cùng một khung phân tích. Việc vận dụng lý thuyết cấu trúc - chức năng, vai trò giới và hiện đại hóa cho phép làm rõ sự điều chỉnh mang tính thích ứng nhưng không đồng đều của các

gia đình. Bộ dữ liệu 424 phiếu khảo sát và 52 cuộc phỏng vấn sâu góp phần cung cấp cơ sở khoa học cho nghiên cứu, đào tạo và tham khảo xây dựng chính sách về phát triển làng nghề, gia đình và bình đẳng giới.

Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Các hướng nghiên cứu chủ yếu

Tổng quan nghiên cứu cho thấy phân công lao động được tiếp cận từ tổ chức đời sống xã hội, chuyên môn hóa kinh tế và quan hệ giới. Trong gia đình, nhiều công trình ghi nhận phụ nữ tham gia ngày càng nhiều vào lao động tạo thu nhập nhưng vẫn thường chịu trách nhiệm chính đối với công việc không được trả công, dẫn tới gánh nặng kép; nam giới có xu hướng tham gia nhiều hơn vào việc nhà nhưng mức độ và tính thường xuyên còn khác nhau.

1.2. Khoảng trống nghiên cứu

Các nghiên cứu làng nghề chủ yếu nhấn mạnh phát triển kinh tế, bảo tồn nghề, thị trường, công nghệ và chính sách; còn ít nghiên cứu đồng thời xem xét phân công lao động giữa vợ và chồng trong sản xuất - kinh doanh và nội trợ, chăm sóc. Đặc biệt, còn thiếu phân tích có hệ thống ba nhóm yếu tố: cá nhân - gia đình - nơi cư trú; nghề nghiệp - tổ chức sản xuất - thị trường - công nghệ; chính sách - hỗ trợ. Khoảng trống này xác định hướng nghiên cứu của luận án tại bốn xã Quất Động, Bình Phú, Hồng Vân và Phương Trung.

Chương 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ PHÂN CÔNG LAO ĐỘNG TRONG GIA ĐÌNH

2.1. Cơ sở lý luận

Luận án làm rõ các khái niệm gia đình, hộ gia đình, hộ gia đình làng nghề, làng nghề, xã làng nghề, phân công lao động trong gia đình và biến đổi phân công lao động gia đình. Phân công lao động được hiểu là sự phân chia công việc, trách nhiệm, thời gian và mức độ tham gia giữa vợ và chồng trong sản xuất - kinh doanh sản phẩm làng nghề và nội trợ, chăm sóc. Biến đổi được nhận diện qua người đảm nhiệm chính, thời gian lao động, phân chia công đoạn, đóng góp thu nhập, quản lý tài chính và quyền ra quyết định. Luận án vận dụng lý thuyết cấu trúc - chức năng để nhận diện sự điều chỉnh cơ cấu phân công; lý thuyết vai trò giới để giải thích sự duy trì hoặc thay đổi chuẩn mực và kỳ vọng giới; lý thuyết hiện đại hóa để đặt các điều chỉnh trong bối cảnh chuyển dịch kinh tế, thị trường, công nghệ, dịch vụ và sinh kế.

2.2. Cơ sở thực tiễn và địa bàn khảo sát

Hà Tây (cũ) là địa bàn tập trung nhiều làng nghề, nơi hộ gia đình đồng thời là đơn vị cư trú, sản xuất và tổ chức đời sống. Sau năm 2008, đô thị hóa, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thị trường và công nghệ làm thay đổi nhu cầu lao động. Quất Động duy trì nghề thủ; Bình Phú suy giảm nghề mây, tre, giang đan và chuyển sang mộc, công nghiệp, dịch vụ; Hồng Vân mở rộng sinh vật cảnh gắn với thương mại, du lịch; Phương Trung tiếp tục nghề nón nhưng vai trò trong sinh kế giảm tương đối.

2.3. Khung phân tích

Biến phụ thuộc là sự biến đổi phân công lao động giữa vợ và chồng trong hai lĩnh vực nghiên cứu. Ba nhóm yếu tố có liên quan gồm: (i) đặc điểm cá nhân, gia đình và nơi cư trú; (ii) đặc điểm nghề, tổ chức sản xuất, thị trường và công nghệ - dịch vụ; (iii) chính sách và các hình thức hỗ trợ tại làng nghề. Bối cảnh kinh tế - xã hội địa phương và quá trình vòng đời gia đình được xem là điều kiện tác động đến cách thức các yếu tố này biểu hiện.

Chương 3. THỰC TRẠNG VÀ BIẾN ĐỔI PHÂN CÔNG LAO ĐỘNG GIỮA VỢ VÀ CHỒNG TRONG GIA ĐÌNH TẠI CÁC XÃ LÀNG NGHỀ NGOẠI THÀNH HÀ NỘI

3.1. Đặc điểm sinh kế và tổ chức lao động

Trong 424 người khảo sát, 43,2% coi sản xuất - kinh doanh sản phẩm làng nghề là công việc chính và 56,8% có công việc chính ngoài làng nghề. Thu nhập bình quân từ hoạt động làng nghề đạt 100,23 triệu đồng/hộ/năm. Người chồng được ghi nhận đóng góp nhiều nhất vào thu nhập chung ở 46,2% hộ, người vợ ở 23,1%; thu nhập trung bình của chồng là 10,46 triệu đồng/người/tháng và của vợ là 7,36 triệu đồng, khác biệt có ý nghĩa thống kê. Trong hoạt động làng nghề, cả hai vợ chồng cùng đảm nhiệm chính chiếm 38,7%, người vợ 36,6%; trong nội trợ, chăm sóc, người vợ đảm nhiệm chính 45,0% và người chồng 6,4%.

3.2. Biến đổi trong sản xuất - kinh doanh sản phẩm làng nghề

So với trước năm 2008, tỷ lệ người vợ đảm nhiệm chính hoạt động sản xuất - kinh doanh tăng từ 26,2% lên 36,6%, người chồng tăng từ 10,4% lên 12,5%; tỷ lệ cả hai vợ chồng cùng đảm nhiệm giảm nhẹ từ 41,5% xuống 38,7% và người thân giảm từ 20,0% xuống 11,6%. Tỷ lệ không tham gia làm nghề giảm mạnh ở cả vợ và chồng. Nhóm làm dưới 5 giờ/ngày tăng từ 34,0% lên 49,5% ở vợ và từ 45,5% lên 54,5% ở chồng; nhóm 5-8 giờ tăng ở vợ nhưng giảm ở chồng. Hồng Vân có xu hướng tăng thời gian làm nghề của cả hai giới, trong khi ở Quất Động, Phương Trung và Bình Phú thời gian của người vợ chuyển nhiều hơn về nhóm dưới 5 giờ/ngày, gắn với đa dạng hóa sinh kế và việc kết hợp làm nghề với công việc gia đình.

Phân công theo công đoạn vẫn mang dấu ấn giới nhưng ranh giới linh hoạt hơn. Người vợ có tỷ lệ tham gia cao hơn ở sơ chế nguyên liệu, chế tác, hoàn thiện sản phẩm, kiểm tra chất lượng và tìm kiếm khách hàng; người chồng nổi bật hơn ở một số khâu thu mua, đóng gói, bảo quản, vận chuyển và công việc đòi hỏi sức lực hoặc di chuyển. Tại Hồng Vân, dịch vụ và du lịch mở rộng vai trò của phụ nữ sang bán hàng, giới thiệu sản phẩm và quản lý kinh doanh; ở các địa bàn nghề suy giảm, phụ nữ và người cao tuổi thường tiếp tục duy trì các công đoạn thủ công tại nhà.

Vai trò ra quyết định thay đổi không đồng đều. Trong nhóm kết hôn trước năm 2008, tỷ lệ người vợ quyết định chính hoạt

động sản xuất - kinh doanh tăng từ 29,3% lên 38,0%; cả hai vợ chồng cùng quyết định vẫn là hình thức phổ biến nhất. Đối với đầu tư sản xuất, tỷ lệ cùng quyết định tăng từ 30,1% lên 33,8%. Tuy nhiên, đối với các khoản chi tiêu lớn trong gia đình, người chồng vẫn giữ vai trò quyết định chính ở khoảng 51%, cho thấy sự mở rộng vai trò kinh tế của phụ nữ chưa chuyển hóa đồng đều thành quyền quyết định trong mọi lĩnh vực.

3.3. Biến đổi trong nội trợ, chăm sóc các thành viên gia đình

Sự thay đổi trong nội trợ và chăm sóc diễn ra chậm hơn. Tỷ lệ người vợ đảm nhiệm chính gần như ổn định, từ 45,3% xuống 45,0%; tỷ lệ người chồng giảm từ 7,8% xuống 6,4%, cả hai vợ chồng cùng đảm nhiệm giảm từ 30,0% xuống 24,3%, trong khi người thân tăng từ 16,7% lên 24,3%. Phỏng vấn sâu cho thấy người chồng đã tham gia nhiều hơn vào nấu ăn, dọn dẹp, đưa đón, chăm sóc khi vợ bận hoặc trong các tình huống đặc biệt, nhưng người vợ thường vẫn là người tổ chức, quán xuyến và chịu trách nhiệm chính. Ông bà và người thân trở thành nguồn hỗ trợ quan trọng, đặc biệt khi vợ chồng làm việc cả ngày hoặc ngoài địa phương.

Thiết bị gia dụng, dịch vụ chăm sóc và thuê hỗ trợ giúp giảm một phần áp lực công việc, song khả năng tiếp cận phụ thuộc vào điều kiện kinh tế. Việc huy động nguồn hỗ trợ chưa làm thay đổi căn bản khuôn mẫu giới: phụ nữ vẫn đồng thời tham gia tạo thu nhập và đảm nhiệm phần lớn lao động tái sản xuất. Phát hiện nổi bật là sự không tương xứng giữa biến đổi trong

lao động tạo thu nhập và biến đổi trong nội trợ, chăm sóc, qua đó duy trì vai trò kép của phụ nữ.

Chương 4. CÁC YẾU TỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN BIẾN ĐỔI PHÂN CÔNG LAO ĐỘNG GIỮA VỢ VÀ CHỒNG

4.1. Đặc điểm cá nhân, gia đình và nơi cư trú

Nhóm tuổi liên quan đến thời gian làm nghề, người đảm nhiệm công việc và một số quyết định; thế hệ trẻ có xu hướng chuyển sang nghề phi nông nghiệp, còn nhóm trung niên và cao tuổi gắn bó hơn với nghề truyền thống. Trình độ học vấn có mối liên hệ với một số phương diện nhưng không đồng đều: sau năm 2008, nhóm học vấn cao hơn có tỷ lệ vợ chồng cùng đảm nhiệm hoạt động làng nghề cao hơn và có xu hướng cùng quyết định việc học hành, nghề nghiệp của con; tuy nhiên học vấn chưa cho thấy mối liên hệ có ý nghĩa thống kê ổn định với quyết định đầu tư và chi tiêu lớn. Quy mô hộ, sự hiện diện của các thế hệ và mức sống ảnh hưởng đến khả năng huy động người hỗ trợ, thuê lao động và tổ chức sinh kế, song người vợ vẫn thường quán xuyến nội trợ.

Khác biệt địa bàn phản ánh đặc điểm nghề và cơ hội việc làm. Tại Hồng Vân, tỷ lệ cả hai vợ chồng cùng chịu trách nhiệm chính trong sản xuất - kinh doanh tăng từ 36,8% lên 44,3%; tại Quất Động, Phương Trung và Bình Phú, tỷ lệ người vợ chịu trách nhiệm chính tăng. Trong nội trợ, người vợ vẫn là người chịu trách nhiệm chính phổ biến nhất ở cả bốn địa bàn. Quan niệm giới tiếp tục có vai trò: 48,8% người trả lời đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý rằng “việc nhà là trách nhiệm chính của phụ

nữ”; quan điểm này có mối liên hệ có ý nghĩa thống kê nhưng ở mức nhỏ với người đảm nhiệm chính nội trợ, chăm sóc sau năm 2008.

4.2. Đặc điểm nghề, tổ chức sản xuất, thị trường và công nghệ - dịch vụ

Có 40,1% người trả lời ghi nhận thị trường tiêu thụ mở rộng và 43,9% cho biết mức độ ứng dụng công nghệ, máy móc tăng sau năm 2008. Việc coi làng nghề là công việc chính có liên hệ với thời gian làm nghề của cả vợ và chồng và với người đảm nhiệm chính ở hai lĩnh vực lao động. Sự thay đổi của thị trường liên hệ với thời gian lao động; ứng dụng công nghệ liên hệ với thời gian lao động của người chồng. Chủ thể chủ động tiếp cận dịch vụ hỗ trợ có mối liên hệ nổi bật với người đảm nhiệm chính hoạt động sản xuất - kinh doanh (Cramer's $V = 0,304$) và với quyền quyết định kinh tế. Khi cả hai vợ chồng cùng tiếp cận dịch vụ, xu hướng cùng tham gia sản xuất và cùng quyết định đầu tư rõ hơn.

4.3. Chính sách và các hình thức hỗ trợ tại làng nghề

Có 52,1% người trả lời cho biết gia đình thường xuyên hoặc rất thường xuyên nhận được hỗ trợ từ chính quyền hoặc cơ quan nhà nước. Cải thiện hạ tầng và đào tạo nghề là hai hình thức được ghi nhận nhiều nhất. Tuy nhiên, bằng chứng về mối liên hệ trực tiếp giữa chính sách, hỗ trợ với phân công lao động và quyền quyết định còn hạn chế; các mối liên hệ chủ yếu yếu hoặc không có ý nghĩa thống kê. Chính sách vì vậy chủ yếu tạo môi trường, nguồn lực, kỹ năng, công nghệ và cơ hội thị

trường; tác động đến phân công lao động diễn ra gián tiếp thông qua cách từng gia đình tiếp cận và tổ chức nguồn lực.

4.4. Nhận xét chung

Ba nhóm yếu tố có quan hệ đan xen và không tác động theo một chiều tuyến tính. Nhóm đặc điểm nghề, tổ chức sản xuất, thị trường và công nghệ - dịch vụ có liên hệ rõ hơn với thời gian lao động và cách phân chia công việc trong sản xuất - kinh doanh; nhóm cá nhân, gia đình và nơi cư trú phản ánh khác biệt về nguồn lực, chu kỳ sống và khả năng huy động lao động; chính sách và hỗ trợ chủ yếu tạo điều kiện cho sự thích ứng. Sự điều chỉnh thể hiện rõ hơn trong lao động tạo thu nhập, còn nội trợ, chăm sóc vẫn chủ yếu do người vợ đảm nhiệm. Vì vậy, giả thuyết nghiên cứu thứ hai được chấp nhận có điều kiện.

KẾT LUẬN

Trên cơ sở khảo sát thực tiễn tại một số xã làng nghề ngoại thành Hà Nội tiêu biểu, luận án đã tập trung làm rõ thực trạng và những biến đổi phân công lao động giữa vợ và chồng trong gia đình từ sau khi tỉnh Hà Tây (cũ) sáp nhập vào Hà Nội (ngày 01/08/2008) đến nay. Kết quả nghiên cứu đã đạt được những mục tiêu và nhiệm vụ đặt ra, đồng thời đưa ra câu trả lời khoa học cho các câu hỏi nghiên cứu và kiểm nghiệm các giả thuyết đã nêu ban đầu.

Luận án đã khảo sát 424 hộ gia đình và thực hiện 52 cuộc phỏng vấn sâu tại bốn xã làng nghề Quất Động, Bình Phú, Hồng Vân và Phương Trung (tên xã trước thời điểm ngày 01/07/2025) để phân tích sự biến đổi phân công lao động giữa

vợ và chồng trong hai lĩnh vực: sản xuất – kinh doanh sản phẩm làng nghề và nội trợ, chăm sóc các thành viên trong gia đình. Mốc năm 2008 – thời điểm tỉnh Hà Tây (cũ) sáp nhập vào Hà Nội – được sử dụng như một khung phân kỳ để nhận diện những thay đổi trong tổ chức lao động gia đình, đặt trong bối cảnh rộng hơn của quá trình chuyển dịch cơ cấu nghề nghiệp, mở rộng thị trường, ứng dụng công nghệ, phát triển dịch vụ, đô thị hóa và đa dạng hóa sinh kế tại các địa phương khảo sát. Kết quả nghiên cứu cho phép rút ra những kết luận chính sau đây:

1. Phân công lao động trong sản xuất – kinh doanh sản phẩm làng nghề đã có những điều chỉnh theo hướng linh hoạt hơn, nhưng dấu ấn giới vẫn được duy trì

Kết quả nghiên cứu cho thấy hộ gia đình làng nghề tiếp tục là đơn vị kết hợp chặt chẽ giữa sản xuất và đời sống gia đình. Trong không gian đó, lao động của vợ và chồng vừa được phân chia theo yêu cầu của hoạt động nghề, vừa chịu ảnh hưởng của kỹ năng, sức khỏe, tuổi tác, cơ hội việc làm và những kỳ vọng xã hội đối với nam và nữ.

So với thời điểm trước năm 2008, phụ nữ có xu hướng tham gia sâu hơn vào hoạt động sản xuất – kinh doanh sản phẩm làng nghề. Sự tham gia của người vợ không còn chỉ tập trung ở các công đoạn thủ công, tỉ mỉ và có thể thực hiện tại nhà, mà đã mở rộng sang chế tác, hoàn thiện sản phẩm, kiểm tra chất lượng, bán hàng, giao dịch, tìm kiếm khách hàng, quản lý đơn hàng và một số dịch vụ gắn với làng nghề. Ở nhiều hộ, người vợ không chỉ là lao động hỗ trợ mà đã trở thành một chủ thể quan trọng

trong việc duy trì sinh kế và tạo thu nhập cho gia đình. Đồng thời, mô hình cả hai vợ chồng cùng tham gia sản xuất – kinh doanh sản phẩm làng nghề cũng trở nên phổ biến hơn trong những hộ có quy mô sản xuất mở rộng, hoạt động nghề gắn với thị trường, du lịch hoặc dịch vụ.

Tuy nhiên, sự gia tăng tham gia của phụ nữ chưa đồng nghĩa với sự mất đi hoàn toàn của phân công lao động theo giới. Nam giới vẫn thường đảm nhận các công việc đòi hỏi sức lực, di chuyển nhiều, tiếp xúc với máy móc, thu mua nguyên liệu, vận chuyển hàng hóa hoặc giao dịch bên ngoài; phụ nữ vẫn tập trung nhiều hơn ở các công đoạn cần sự khéo léo, kiên trì, tỉ mỉ và có thể kết hợp với công việc gia đình. Vì vậy, biến đổi trong lĩnh vực sản xuất – kinh doanh chủ yếu thể hiện ở việc ranh giới giữa “việc của chồng” và “việc của vợ” trở nên linh hoạt hơn, chứ chưa phải là sự xóa bỏ hoàn toàn sự phân đoạn công việc theo giới.

Sự biến đổi này cũng không diễn ra đồng đều giữa các địa bàn. Hồng Vân, với mô hình sinh vật cảnh gắn với thương mại, dịch vụ và du lịch, tạo ra nhiều công việc mới và thúc đẩy sự phối hợp rõ hơn giữa vợ và chồng. Tại Quất Động, Bình Phú và Phương Trung, trong điều kiện một số nghề truyền thống gặp khó khăn về thị trường, thu nhập hoặc sức hấp dẫn đối với lao động trẻ, các thành viên gia đình có xu hướng kết hợp làm nghề với việc làm công nghiệp, dịch vụ, buôn bán hoặc lao động ngoài địa phương. Trong những trường hợp này, phân công lao động được điều chỉnh theo chiến lược sinh kế của hộ: người có

cơ hội việc làm và thu nhập tốt hơn có thể chuyển ra ngoài làm việc, trong khi người còn lại tiếp tục duy trì nghề tại nhà và đồng thời đảm nhận nhiều trách nhiệm gia đình hơn.

Như vậy, biến đổi trong sản xuất – kinh doanh sản phẩm làng nghề phản ánh quá trình các hộ gia đình tái tổ chức nguồn lao động để thích ứng với những thay đổi của thị trường, công nghệ và sinh kế. Quá trình này làm gia tăng sự hiện diện kinh tế của phụ nữ và mở rộng mô hình phối hợp giữa vợ và chồng, nhưng chưa đủ cơ sở để khẳng định đã có sự đảo chiều vai trò giới hoặc sự cân bằng hoàn toàn về vị thế kinh tế trong gia đình. Sự tham gia, đóng góp thu nhập và quyền quyết định có liên hệ với nhau nhưng không đồng nhất; việc phụ nữ làm nhiều hơn chưa tất yếu chuyển hóa thành quyền quyết định cao hơn trong mọi lĩnh vực.

2. Phân công lao động nội trợ, chăm sóc các thành viên trong gia đình biến đổi chậm hơn, làm nổi bật vai trò kép và sự tái sản xuất bất bình đẳng giới

Nếu sự phân công trong sản xuất – kinh doanh sản phẩm làng nghề có xu hướng linh hoạt hơn, thì công việc nội trợ, chăm sóc các thành viên trong gia đình vẫn duy trì tính ổn định tương đối. Người vợ tiếp tục là chủ thể chịu trách nhiệm chính đối với phần lớn các công việc như nấu ăn, dọn dẹp, giặt giũ, chăm sóc con cái, chăm sóc người cao tuổi và tổ chức sinh hoạt hằng ngày của gia đình. Người chồng đã tham gia nhiều hơn vào một số công việc cụ thể, nhưng sự tham gia đó phần lớn vẫn mang tính hỗ trợ, phụ giúp khi người vợ bận, vắng nhà hoặc

khi gia đình có nhu cầu đột xuất, chưa phổ biến ở mức cùng chịu trách nhiệm thường xuyên.

Kết quả này cho thấy cần phân biệt rõ giữa việc người chồng “có tham gia”, “có hỗ trợ” và “chịu trách nhiệm chính”. Sự hiện diện nhiều hơn của nam giới trong một số công việc gia đình là một biểu hiện điều chỉnh đáng ghi nhận, nhưng chưa đồng nghĩa với việc trách nhiệm nội trợ và chăm sóc đã được phân chia tương đối cân bằng. Trong nhiều hộ, người vợ vẫn là người phải chủ động nhận biết công việc, sắp xếp thời gian, tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về kết quả, trong khi sự tham gia của người chồng mang tính bổ trợ.

Phát hiện trung tâm của luận án là sự không tương xứng giữa biến đổi trong lao động tạo thu nhập và biến đổi trong lao động tái sản xuất. Phụ nữ gia tăng tham gia sản xuất – kinh doanh sản phẩm làng nghề và các hoạt động tạo thu nhập khác, nhưng thời gian và trách nhiệm dành cho nội trợ, chăm sóc không giảm tương ứng. Do đó, việc mở rộng vai trò kinh tế chưa tự động giải phóng phụ nữ khỏi các trách nhiệm truyền thống, mà trong nhiều trường hợp còn làm tăng tổng khối lượng công việc họ phải thực hiện.

Dưới góc nhìn vai trò giới, hiện tượng này phản ánh sự mở rộng vai trò của phụ nữ mà chưa có sự tái phân bổ tương ứng các nghĩa vụ gia đình. Kỳ vọng đối với phụ nữ đã chuyển từ chỗ chủ yếu chăm lo gia đình sang vừa phải tham gia tạo thu nhập, vừa tiếp tục bảo đảm các chức năng nội trợ và chăm sóc. Trong khi đó, kỳ vọng đối với nam giới trong lĩnh vực gia đình thay

đổi chậm hơn và thường được diễn đạt dưới dạng “giúp vợ” hơn là cùng chịu trách nhiệm. Chính sự điều chỉnh không cân xứng này làm cho vai trò kép của phụ nữ trở thành một đặc điểm nổi bật của gia đình làng nghề hiện nay và cho thấy bất bình đẳng giới có thể được tái sản xuất ngay trong quá trình hiện đại hóa sinh kế.

Kết quả nghiên cứu vì vậy không cho phép đồng nhất sự gia tăng tham gia kinh tế của phụ nữ với bình đẳng giới thực chất. Bình đẳng trong phân công lao động gia đình không chỉ được đánh giá qua việc phụ nữ có tham gia tạo thu nhập hay nam giới có làm một số việc nhà, mà còn phải xem xét ai là người chịu trách nhiệm chính, ai kiểm soát quỹ thời gian, ai phải điều chỉnh việc làm để đáp ứng nhu cầu chăm sóc và sự đóng góp kinh tế có được chuyển hóa thành tiếng nói trong các quyết định quan trọng hay không. Trên những phương diện này, sự biến đổi đã diễn ra nhưng còn chậm, không đồng đều và chưa làm thay đổi căn bản cấu trúc trách nhiệm giới trong lao động tái sản xuất.

3. Sự biến đổi phân công lao động có sự khác biệt theo ba nhóm yếu tố, nhưng không thể quy giản về một nguyên nhân đơn lẻ

Kết quả phân tích cho thấy sự phân chia thời gian lao động, trách nhiệm công việc và quyền ra quyết định giữa vợ và chồng có sự khác biệt theo ba nhóm yếu tố: đặc điểm cá nhân, gia đình và nơi cư trú; đặc điểm nghề, tổ chức sản xuất, thị trường và công nghệ – dịch vụ; chính sách và các hình thức hỗ trợ tại làng nghề. Tuy nhiên, các yếu tố này không quan hệ theo một chiều

tuyến tính và không có cùng mức độ ảnh hưởng đối với mọi khía cạnh của phân công lao động.

Nhóm yếu tố về đặc điểm cá nhân, gia đình và nơi cư trú tạo nên nền tảng của sự khác biệt giữa các hộ. Tuổi phản ánh vị trí của cá nhân trong chu kỳ sống, tình trạng sức khỏe, kinh nghiệm nghề nghiệp và mức độ tiếp nhận các quan niệm mới về quan hệ vợ chồng. Trình độ học vấn mở rộng khả năng tiếp cận thông tin, cơ hội việc làm và nhận thức về chia sẻ trách nhiệm, nhưng không tự động làm mất đi các khuôn mẫu giới đã được hình thành lâu dài. Loại hình gia đình, quy mô hộ và sự hiện diện của các thế hệ khác ảnh hưởng đến nguồn lao động hỗ trợ, khả năng phân chia công việc và cơ chế chăm sóc. Mức sống có liên quan rõ hơn đến khả năng tổ chức sinh kế và một số quyết định kinh tế, nhưng chưa cho thấy tác động nhất quán đối với việc phân chia trách nhiệm nội trợ. Sự khác biệt giữa bốn địa phương phản ánh mức độ phát triển nghề, cơ hội việc làm, khả năng tiếp cận thị trường và sức bền của truyền thống văn hóa không giống nhau.

Nhóm yếu tố thuộc về đặc điểm nghề, tổ chức sản xuất, thị trường và công nghệ – dịch vụ có mối liên hệ tương đối rõ với cách thức huy động, phân bổ và tổ chức lao động giữa vợ và chồng trong các hộ gia đình làng nghề. Khi hoạt động làng nghề giữ vị trí quan trọng trong sinh kế hoặc thị trường tiêu thụ thuận lợi, sự tham gia và phối hợp của cả hai vợ chồng trong sản xuất – kinh doanh có xu hướng rõ nét hơn. Ngược lại, sự suy giảm của hoạt động nghề và những biến động của thị trường có thể

khuyến các thành viên điều chỉnh thời gian lao động, chuyển sang những công việc khác và tổ chức lại trách nhiệm trong gia đình. Tuy nhiên, tác động của các yếu tố này không đồng đều giữa vợ và chồng cũng như giữa các phương diện của phân công lao động.

Việc ứng dụng công nghệ, máy móc và trang thiết bị góp phần làm thay đổi nội dung, yêu cầu kỹ năng và cách tổ chức các công đoạn sản xuất. Công nghệ có thể làm giảm sức lao động ở một số khâu nhưng đồng thời tạo nên sự phân đoạn mới giữa những công việc mang tính kỹ thuật, vận hành máy móc với các công việc thủ công và hoàn thiện sản phẩm. Sự phát triển của thị trường và các hoạt động dịch vụ cũng mở rộng cơ hội tham gia sản xuất, kinh doanh và tiếp cận khách hàng cho các thành viên trong gia đình, trong đó có phụ nữ. Tuy nhiên, những thay đổi này chủ yếu diễn ra trong lĩnh vực lao động tạo thu nhập, chưa kéo theo sự tái phân bổ tương ứng đối với công việc nội trợ và chăm sóc. Phụ nữ vẫn thường phải kết hợp hoạt động kinh tế với trách nhiệm gia đình, cho thấy công nghệ và dịch vụ làm cho tổ chức lao động trở nên linh hoạt hơn nhưng chưa xóa bỏ sự phân công theo giới.

Khả năng tiếp cận và sử dụng các dịch vụ hỗ trợ cũng gắn với vai trò của mỗi người trong hoạt động sản xuất – kinh doanh và quá trình ra quyết định của gia đình. Khi cả vợ và chồng cùng tiếp cận, trao đổi và sử dụng các nguồn lực hỗ trợ, xu hướng cùng tham gia sản xuất và cùng quyết định có điều kiện được củng cố. Dù vậy, mối liên hệ này không đồng nghĩa

với quan hệ nhân quả, bởi vai trò của mỗi người còn phụ thuộc vào mức độ tham gia lao động, đóng góp kinh tế, kỹ năng, khả năng làm chủ nguồn lực và sự thương lượng giữa hai vợ chồng.

Đối với nhóm yếu tố chính sách và sự hỗ trợ của chính quyền, các chính sách về hạ tầng, đào tạo nghề, tài chính, thị trường và kỹ thuật – công nghệ trước hết góp phần tạo lập môi trường và nguồn lực cho các hộ gia đình duy trì, mở rộng hoặc thích ứng hoạt động sản xuất – kinh doanh. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu chưa cho thấy những yếu tố này trực tiếp quyết định sự phân công lao động và quyền ra quyết định giữa vợ và chồng. Ảnh hưởng của chính sách, nếu có, chủ yếu diễn ra gián tiếp thông qua sự thay đổi về công nghệ, kỹ năng, thị trường, cơ hội việc làm, khả năng tiếp cận nguồn lực và cách thức tổ chức lao động của từng gia đình.

Nhìn chung, đặc điểm nghề, vị trí của làng nghề trong sinh kế, thị trường, công nghệ, dịch vụ và chính sách đã tạo ra những điều kiện mới để các hộ gia đình điều chỉnh cách huy động và phối hợp lao động. Những biến đổi này góp phần làm cho sự phân công trong sản xuất – kinh doanh trở nên linh hoạt hơn và mở rộng sự tham gia của cả vợ và chồng, nhưng chưa làm thay đổi căn bản khuôn mẫu giới trong lao động gia đình. Người vợ vẫn đồng thời giữ vai trò quan trọng trong hoạt động tạo thu nhập và chịu trách nhiệm chính đối với công việc nội trợ – chăm sóc. Vì vậy, sự mở rộng cơ hội kinh tế và nguồn lực hỗ trợ chưa đồng nghĩa với việc gánh nặng lao động gia đình của

phụ nữ được giảm bớt hoặc sự bình đẳng trong phân công lao động đã được xác lập.

Nhìn tổng thể, ba nhóm yếu tố không tồn tại tách biệt mà tác động trong mối quan hệ đan xen. Đặc điểm cá nhân và gia đình quy định khả năng huy động nguồn lực; đặc điểm nghề và thị trường tạo ra nhu cầu tổ chức lao động; công nghệ và dịch vụ làm thay đổi nội dung công việc; còn chính sách tạo ra những điều kiện và cơ hội thích ứng. Cùng một thay đổi của thị trường hoặc chính sách có thể tạo ra những kết quả khác nhau giữa các hộ tùy theo cấu trúc gia đình, trình độ, nguồn vốn, đặc điểm nghề và chuẩn mực giới tại địa phương. Vì vậy, sự biến đổi phân công lao động giữa vợ và chồng cần được nhận diện như một quá trình xã hội đa chiều, không đồng đều và không thể giải thích bằng quan hệ nhân quả đơn tuyến.

4. Kết quả trả lời câu hỏi nghiên cứu và kiểm nghiệm các giả thuyết nghiên cứu

Đối với câu hỏi nghiên cứu thứ nhất, luận án xác định rằng phân công lao động giữa vợ và chồng đã có sự biến đổi trên cả hai lĩnh vực nghiên cứu, nhưng tốc độ và chiều hướng thay đổi không giống nhau. Trong sản xuất – kinh doanh sản phẩm làng nghề, sự tham gia của người vợ và mô hình phối hợp giữa hai vợ chồng có xu hướng gia tăng; phạm vi công việc của phụ nữ được mở rộng sang nhiều khâu tạo giá trị và giao dịch thị trường. Trong nội trợ, chăm sóc các thành viên trong gia đình, người chồng tham gia nhiều hơn ở một số công việc nhưng người vợ vẫn chịu trách nhiệm chính. Sự biến đổi vì vậy biểu

hiện rõ hơn trong lao động tạo thu nhập, trong khi lao động tái sản xuất gia đình duy trì tính giới tương đối bền vững.

Trên cơ sở đó, giả thuyết nghiên cứu thứ nhất cơ bản phù hợp với dữ liệu thực nghiệm. Kết quả khảo sát xác nhận sự thay đổi về người đảm nhiệm, mức độ tham gia, thời gian và phạm vi trách nhiệm trong hai lĩnh vực công việc; đồng thời xác nhận xu hướng gia tăng sự tham gia của phụ nữ và sự phối hợp giữa vợ và chồng trong hoạt động sản xuất – kinh doanh sản phẩm làng nghề. Giả thuyết cũng được củng cố ở nhận định rằng phụ nữ vẫn đảm nhiệm phần lớn công việc nội trợ, chăm sóc các thành viên trong gia đình và tiếp tục duy trì vai trò kép. Tuy nhiên, cần diễn giải thận trọng đối với mức độ thay đổi của người chồng trong công việc gia đình: dữ liệu cho thấy sự tham gia và hỗ trợ có xu hướng tăng, nhưng chưa đủ cơ sở để kết luận đã hình thành sự phân chia trách nhiệm tương đối cân bằng hoặc có sự thay đổi căn bản cấu trúc vai trò giới.

Đối với câu hỏi nghiên cứu thứ hai, kết quả cho thấy sự phân chia thời gian lao động, trách nhiệm công việc và quyền ra quyết định có sự khác biệt theo ba nhóm yếu tố được xác định trong khung phân tích. Các đặc điểm cá nhân, gia đình và nơi cư trú tạo nên sự khác biệt về nguồn lực và khả năng tổ chức lao động; đặc điểm nghề, tổ chức sản xuất, thị trường và công nghệ – dịch vụ có liên hệ rõ hơn với việc huy động lao động, thời gian làm việc và phân chia các công đoạn sản xuất; chính sách và các hình thức hỗ trợ tạo ra điều kiện mới cho hoạt động

sinh kế nhưng tác động đến phân công lao động gia đình còn gián tiếp và không đồng đều.

Vì vậy, giả thuyết nghiên cứu thứ hai được chấp nhận ở mức độ có điều kiện. Dữ liệu xác nhận rằng sự phân công lao động giữa vợ và chồng có sự khác biệt theo ba nhóm yếu tố, nhưng không phải tất cả các yếu tố và mọi mối liên hệ đều đạt ý nghĩa thống kê. Nhóm đặc điểm cá nhân, gia đình và nơi cư trú cùng nhóm đặc điểm nghề, tổ chức sản xuất, thị trường và công nghệ – dịch vụ thể hiện mối liên hệ rõ hơn với sự tham gia lao động, cách thức tổ chức sản xuất và một số quyết định trong gia đình. Nhóm chính sách và hỗ trợ chủ yếu tạo ra môi trường và nguồn lực cho sự thích ứng, chưa đủ cơ sở để khẳng định là nguyên nhân trực tiếp làm thay đổi phân công lao động. Kết quả cũng tiếp tục xác nhận nội dung quan trọng của giả thuyết: sự gia tăng tham gia của phụ nữ vào hoạt động tạo thu nhập không đi kèm với sự giảm tương ứng về thời gian và trách nhiệm đối với công việc nội trợ, chăm sóc các thành viên trong gia đình.

Xét về phương diện lý luận, các phát hiện của luận án cho thấy sự biến đổi phân công lao động trong gia đình làng nghề không diễn ra theo một quá trình thay thế đơn giản từ truyền thống sang hiện đại. Các hộ gia đình điều chỉnh việc huy động lao động để đáp ứng yêu cầu của thị trường, công nghệ và chiến lược sinh kế, nhưng sự điều chỉnh thường tập trung trước hết vào hoạt động tạo thu nhập. Những kỳ vọng giới gắn phụ nữ với nội trợ và chăm sóc vẫn được duy trì, mặc dù phạm vi tham gia kinh tế và xã hội của họ đã mở rộng. Gia đình làng nghề vì vậy

vừa là không gian thích ứng với những biến đổi của đời sống kinh tế, vừa là nơi các khuôn mẫu giới được điều chỉnh, thương lượng và tái sản xuất.

Đóng góp nổi bật của luận án là làm rõ sự không tương xứng giữa hai quá trình: mở rộng vai trò kinh tế của phụ nữ và tái phân chia trách nhiệm tái sản xuất trong gia đình. Phát hiện này bổ sung bằng chứng thực nghiệm cho nghiên cứu xã hội học gia đình và giới ở Việt Nam, đồng thời cho thấy khi phân tích sự biến đổi của gia đình làng nghề cần xem xét đồng thời lao động tạo thu nhập và lao động nội trợ, chăm sóc. Chỉ khi đặt hai lĩnh vực trong cùng một khung phân tích mới có thể nhận diện đầy đủ cách thức các cơ hội kinh tế mới được phân bổ giữa vợ và chồng, cũng như những giới hạn của quá trình biến đổi vai trò giới.

Từ kết quả nghiên cứu, việc phát triển làng nghề cần được tiếp cận không chỉ như một vấn đề kinh tế, bảo tồn văn hóa hoặc tạo việc làm, mà còn cần tính đến tác động đối với tổ chức đời sống gia đình. Các chương trình hỗ trợ vốn, đào tạo nghề, chuyển giao công nghệ, phát triển thị trường và chuyển đổi số cần tạo điều kiện để phụ nữ tiếp cận thực chất với nguồn lực sản xuất, kỹ năng kinh doanh và các vị trí có khả năng tạo giá trị cao hơn. Đồng thời, cần lồng ghép nội dung bình đẳng giới, khuyến khích nam giới chia sẻ trách nhiệm nội trợ và chăm sóc, phát triển các dịch vụ chăm sóc trẻ em và người cao tuổi phù hợp với điều kiện của từng địa phương. Chính sách cũng cần được thiết kế theo đặc điểm cụ thể của từng nghề và từng xã,

bởi sự suy giảm nghề truyền thống, mở rộng sản xuất, phát triển du lịch hoặc dịch chuyển lao động tạo ra những yêu cầu tổ chức gia đình khác nhau.

Tóm lại, sự biến đổi phân công lao động giữa vợ và chồng trong các hộ gia đình tại các xã làng nghề ngoại thành Hà Nội là một quá trình điều chỉnh từng bước, đa chiều và không đồng đều. Phân công trong sản xuất – kinh doanh sản phẩm làng nghề đã trở nên linh hoạt hơn, sự tham gia kinh tế và xã hội của phụ nữ được mở rộng, nhưng trách nhiệm nội trợ, chăm sóc vẫn chủ yếu đặt lên vai họ. Những thay đổi của nghề nghiệp, thị trường, công nghệ, dịch vụ và chính sách tạo ra các điều kiện mới cho việc tổ chức lao động, song chưa tự động dẫn đến sự phân chia trách nhiệm cân bằng hơn giữa vợ và chồng. Kết quả đó cho thấy biến đổi gia đình làng nghề hiện nay vừa chứa đựng xu hướng hiện đại hóa và mở rộng vai trò của phụ nữ, vừa tiếp tục duy trì và tái sản xuất những khuôn mẫu giới truyền thống trong đời sống hằng ngày.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Hồ Diệu Huyền. (2024). Phát triển bền vững làng nghề ở thành phố Hà Nội. Tạp chí Lý luận chính trị, số đặc biệt Quý IV, 249-254.
2. Hồ Diệu Huyền. (2025). Khái lược một số công trình nghiên cứu về phân công lao động trong gia đình. Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội, 4(508), 45-52.
3. Hồ Diệu Huyền. (2025). Phân công lao động giữa vợ và chồng trong hoạt động sản xuất, kinh doanh tại các làng nghề ngoại thành Hà Nội. Tạp chí Nghiên cứu Con người, 2(137), 65-79.